

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI ĐẾN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

THE IMPACT OF THE ECONOMY, CULTURE AND SOCIETY ON THE GENERAL EDUCATION IN QUANG NINH PROVINCE

Nguyễn Thị Thu Hà

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 04/05/2020, chấp nhận đăng ngày 18/05/2020

Tóm tắt: Sự tăng trưởng về kinh tế, nền tảng văn hóa cùng các nhân tố xã hội ảnh hưởng đến quy mô, chất lượng và đầu tư cho giáo dục. Trong khi đó, giáo dục là phương tiện để đánh thức tiềm năng và trí tuệ của mỗi cá nhân. Giáo dục cũng là nhân tố quyết định năng suất của một người và một quốc gia. Do đó, giáo dục và giáo dục phổ thông đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, thúc đẩy tiến bộ xã hội và gia tăng thu nhập. Bài viết nghiên cứu mối tương quan giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục phổ thông để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Từ khóa: Giáo dục, giáo dục phổ thông, giáo dục Quảng Ninh, sự tác động đến giáo dục...

Abstract: The economic growth, cultural background, social factors affect the scales, quality and investment in education. Meanwhile, education is a means to awakening each individual's potential and intellect. Education is also a determinant of a person's and a nation's productivity. Therefore, education, general education plays a very crucial role in securing economic and social progress and improving income distribution. This article studies the interaction among the economy, culture, society and general education factors in making policies on the upcoming development of the general education in Quảng Ninh province.

Keywords: Education, general education, Quangninh education, the impact on education...

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục có vai trò vô cùng quan trọng với sự phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia. Trong đó, giáo dục phổ thông¹ được coi là nền tảng căn bản, là bản lề của toàn bộ hệ thống giáo dục. Những tri thức nền tảng về văn, trí, thể, mỹ, đức được giảng dạy ở bậc phổ thông giúp định hình những công dân có tài có đức trong tương lai.

Là một tỉnh ven biển ở phía đông bắc của cả nước, Quảng Ninh có những điều kiện riêng để

phát triển giáo dục phổ thông. So với những địa phương khác như Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, các điều kiện về tự nhiên, văn hóa, xã hội cho phát triển giáo dục phổ thông của tỉnh không thuận lợi bằng. Ngược lại, Quảng Ninh lại có nền kinh tế phát triển năng động, ngân sách thu về năm sau cao hơn năm trước, cơ sở hạ tầng tiến bộ tạo điều kiện tốt cho phát triển giáo dục. Có thể thấy việc nhìn nhận sự tác động qua lại giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội với giáo dục phổ thông của Quảng Ninh giúp hiểu rõ hơn vai trò của từng yếu tố, từ đó có thể đưa ra các kiến nghị cho việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục phổ thông của tỉnh Quảng Ninh trong tương lai.

¹Giáo dục phổ thông được đề cập đến trong bài viết bao gồm 3 cấp học: tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12.

2. TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Quảng Ninh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc). Tỉnh có hình dáng một hình chữ nhật nằm nghiêng ở phía đông bắc của đất nước. Quảng Ninh được ví như là “một Việt Nam thu nhỏ” với “địa hình đa dạng mang đầy đủ đặc thù của các vùng miền”. Với địa hình núi non trùng điệp, trung du, đồng bằng, 6.000 km² biển và hơn 2.000 hòn đảo, Quảng Ninh có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế. Tỉnh có nhiều mỏ khoáng sản, bao gồm than đá, cao lanh, đất sét, cát thủy tinh và đá vôi... Trữ lượng than của tỉnh vào khoảng 3,6 tỉ tấn, là tỉnh khai thác than đá chính của cả nước. Tỉnh có cửa khẩu Móng Cái thông thương với Trung Quốc và cảng biển nên ngành dịch vụ vận tải khá phát triển. Là tỉnh có chiều dài đường ven biển lớn nhất: 250 km với nhiều ngư trường khai thác hải sản và có nhiều địa điểm thuận lợi cho việc nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản xuất khẩu. Tỉnh có thế mạnh về du lịch, nhất là có vịnh Hạ Long là di sản, là kỳ quan thiên nhiên thế giới... Nhờ những lợi thế nói trên, Quảng Ninh phát triển khá nhiều lĩnh vực kinh tế như khai khoáng, vận tải, du lịch, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản... Mức tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh khá cao, nguồn ngân sách thu về hàng năm đều tăng, cơ sở hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc của tỉnh ngày một hiện đại. Do đó, Quảng Ninh có nhiều điều kiện để phát triển giáo dục phổ thông. Cụ thể là mức chi cho giáo dục đào tạo

trong ngân sách tỉnh đã tăng lên khá nhiều qua các năm.

Nhìn vào bảng 1 có thể thấy, mức tăng chi ngân sách cho giáo dục đào tạo tương ứng với mức tăng GDP qua các năm. Từ năm 2000-2005, GDP (giá so sánh năm 1994) tăng lên 2,33 lần, thu ngân sách tăng 2,74 lần; tương ứng với đó, chi ngân sách tỉnh cũng tăng 2,41 lần và chi ngân sách cho giáo dục đào tạo tăng 2,51 lần. Mức tăng lớn nhất là trong những năm 2005-2010, GDP tăng 3,97 lần, chi ngân sách cho giáo dục đào tạo tăng 5,14 lần.

Đây là khoảng thời gian tỉnh đẩy mạnh thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và xây dựng trường chuẩn quốc gia tỉnh Quảng Ninh đến 2010 và định hướng đến 2015 (theo Quyết định 3488/2006/QĐ-UBND với mức chi là hơn 1.000 tỷ đồng) và Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn tỉnh Quảng Ninh năm 2010 (theo Quyết định 839/QĐ-UBND với mức chi trên 500 tỷ đồng). Nhờ nguồn đầu tư dồi dào, tỉnh đã hoàn thành mục tiêu “45% số trường của tỉnh đạt chuẩn quốc gia” [1] theo đúng kế hoạch đề ra. Từ năm 2010 đến 2015, GDP của tỉnh chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nên chỉ tăng 1,98 lần; tương ứng với đó, mức đầu tư cho giáo dục cũng chỉ tăng 1,57 lần. Từ 2015-2018, mức tăng chi ngân sách cho giáo dục đạt 1,37 lần. Nhờ ngân sách cho giáo dục phổ thông tăng, cơ sở vật chất, thiết bị trường học được hiện đại hóa và cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, số phòng học kiên cố năm 2018 bậc phổ thông đạt 90,1% [2].

Bảng 1. Tăng trưởng kinh tế và thu chi ngân sách tỉnh Quảng Ninh qua các năm²

Chỉ số	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2018
GDP (tỷ đồng) (giá so sánh)	5.423,751	12.633	50.097	72.498	104.085

² Tổng hợp qua Niên giám thống kê Việt Nam và Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2000-2018.

Chỉ số	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2018
Tăng GDP năm sau/năm trước (lần)	1	2,33	3,97	1,98	1,44
GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)	5.323	11.525 (727 USD)	43.316 (2.222 USD)	80.367 (3.706 USD)	(5.587 USD)
Tổng thu ngân sách (tỷ đồng)	2.460,223	6.735,570	27.399,424	34.251,290	40.550
Chi ngân sách (tỷ đồng)	984,64	3.429,171	11.409,359	29.498,731	23.371.884
Chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo (triệu đồng)	171.282	412.327	2.118.245	3.315.873	4.552.447
Tăng chi cho giáo dục - đào tạo năm sau/năm trước (lần)	1	2,51	5,14	1,57	1,37
Số trường phổ thông ngoài công lập	5	18	24	22	25

Hạ tầng cơ sở điện đường trường trạm của tỉnh đã được đầu tư và xây dựng mạnh mẽ trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho tỉnh mở rộng được hệ thống trường phổ thông đến tất cả các địa bàn xã, phường trong tỉnh. Năm 2015, trên 186 địa bàn phường, xã, thị trấn của tỉnh có 425 trường học, tức là trung bình một địa bàn có 2,28 trường phổ thông. Hệ thống thông tin liên lạc ngày càng hiện đại đã giúp ngành giáo dục của tỉnh nhanh chóng hoạt động hiệu quả hơn. Từ năm 2015, ngành giáo dục Quảng Ninh tích cực thực hiện đề án 25 đổi mới quản lý giáo dục và tinh giản bộ máy. Các thành tựu về giao thông, thông tin liên lạc đã góp phần giúp Quảng Ninh trở thành một trong những tỉnh đi đầu cả nước trong thực hiện đổi mới và tinh giản ngành giáo dục. Có thể nhận thấy, đến năm 2018, số trường phổ thông đã giảm bớt trong khi số trường ngoài công lập lại tăng lên, mạng lưới trường học ngày càng được chuẩn hóa.

GDP bình quân đầu người và mức thu nhập trung bình của người dân Quảng Ninh cũng tăng lên, đặc biệt thu nhập của người dân tại các thành phố như Hạ Long, Móng Cái... Thu nhập tốt cũng khiến cho sự đóng góp của xã

hội đối với giáo dục phổ thông tăng lên. Sau 2010, Quảng Ninh đã đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động sự tham gia, đóng góp ở mức cao của các cơ quan, xí nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Trong những năm 2013-2018, nguồn đầu tư cho giáo dục phổ thông qua xã hội hóa đạt 717.181 triệu đồng [2]. Xã hội hóa được đẩy mạnh cũng thể hiện trong mức tăng số trường phổ thông ngoài công lập, năm 2000 cả tỉnh mới có 5 trường THPT ngoài công lập thì sau đó tỉnh đã có thêm 25 trường ngoài công lập ở cả 3 cấp học, có cả trường quốc tế liên 3 cấp.

Bên cạnh những mặt thuận lợi, cũng có thể thấy rằng, các huyện thị khác nhau của tỉnh Quảng Ninh có những điều kiện kinh tế khác nhau, dẫn tới mức đầu tư cho giáo dục khác nhau, cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục cũng khác nhau. Thu nhập bình quân của dân cư khu vực thành thị của tỉnh thường cao gấp đôi thu nhập của dân cư khu vực nông thôn. Mức chênh lệch về thu nhập bình quân giữa các hộ có thu nhập cao nhất với thấp nhất của tỉnh là khoảng 8 lần, là mức chênh lệch khá cao trong các tỉnh miền Bắc [3]. Khoảng cách về kinh tế, chi ngân sách và thu nhập dẫn đến sự phức tạp

trong quy hoạch xây dựng trường học cho từng địa phương trong tỉnh. Mỗi vùng như vậy cần có hệ thống trường khác nhau, mức thu phí khác nhau nhưng vẫn phải đặt trên cơ sở quy định chung của cả nước, của tỉnh. Rất nhiều môn học như ngoại ngữ, kỹ năng mềm có thể tăng cường dạy tại các trường ở đô thị vì phụ huynh có thể đóng góp phụ phí, nhưng lại bị hạn chế rất nhiều tại các trường học ở khu vực xa xôi, biên giới, hải đảo.

Tiếp đó, khi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chưa mạnh mẽ, rất nhiều nhân công lao động thô sơ của Quảng Ninh vẫn có thể tìm được việc làm mà không cần đến trình độ học vấn cao. Với cư dân những tỉnh thành kém phát triển về kinh tế, học tập được coi là con đường tiến thân quan trọng, thì với cư dân một tỉnh có nhiều ngành nghề kinh tế phát triển như Quảng Ninh, học vấn không phải là đường ra duy nhất. Do đó, vẫn có hiện tượng

học sinh Quảng Ninh bỏ học, hoặc chỉ học hết lớp 9 sau đó đi làm công nhân cho các cơ sở sản xuất, khai mỏ, bán hàng rong, lao động tay chân, đánh bắt hải sản... Cho đến đầu thế kỷ XXI, hiện tượng này vẫn xuất hiện ở cả địa bàn thành thị và nông thôn, miền núi của tỉnh. Giáo dục như vậy đã không được coi trọng một cách thực chất.

Tuy nhiên, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, trong những năm trở lại đây, hiện tượng học sinh thất học, bỏ học ở Quảng Ninh đã giảm mạnh, yêu cầu về trình độ của người lao động ngày càng cao đòi hỏi trẻ em Quảng Ninh phải học hết bậc phổ thông và tiếp tục đào tạo lên cao hơn. Áp lực của kinh tế đã khiến cho tỉnh phải thực sự coi trọng giáo dục, phải tập trung đầu tư phát triển giáo dục phổ thông, từ đó mang lại nguồn nhân lực dự bị chất lượng cao.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu văn hóa, xã hội tỉnh Quảng Ninh qua các năm³

Chỉ số	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015	Năm 2018
Dân số (nghìn người)	1.016,2	1.079,2	1.157,2	1.211,3	1.266,5
Tỉ lệ dân cư thành thị/nông thôn (%)	46,1/53,9	48,6/51,4	52,0/48,0	61,2/38,8	63,9/36,1
Mật độ dân số (người)	173	183	190	200	205
Tỉ lệ hộ nghèo (%)	10,22	7,9	8,0	4,0	1,2
Tổng số trường phổ thông	342	391	421	425	424
Tổng số học sinh phổ thông (người)	231.827	229.067	197.668	210.957	239.597
Số học sinh phổ thông thuộc các dân tộc ít người (tỉ lệ/tổng số)		29.018 (12,7%)	27.449 (13,9%)	27.415 (13%)	28.248 (11,8%)
Tỉ lệ học sinh/lớp	31,61	30,4	27,4	29,4	31,5

³ Tổng hợp qua Niên giám thống kê Việt Nam và Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2000-2018.

3. TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HÓA, XÃ HỘI ĐẾN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh đều là những tỉnh thành có truyền thống lâu đời về giáo dục. Nhưng cùng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Quảng Ninh lại không có ưu thế này. Trong thời kỳ phong kiến, Quảng Ninh là tỉnh biên viễn xa xôi hẻo lánh, giặc cướp liên miên, nơi phát vãng các tù nhân bị đi đày. Thời kỳ Pháp thuộc, thực dân Pháp biến Quảng Ninh thành nơi khai thác than đá lớn của cả nước, và thi hành chính sách ngu dân rất triệt để, cả vùng không có lớp bậc cao đẳng tiểu học nào cả (tương đương với các lớp 3-4-5 ngày nay). Do đó, trước giải phóng, Quảng Ninh “là một vùng giáo dục rất chậm phát triển”⁴. Không có truyền thống lâu đời về giáo dục, bù lại Quảng Ninh có truyền thống kháng chiến chống ngoại xâm oanh liệt và truyền thống hăng say xây dựng, kiến thiết thời hòa bình.

Từ năm 1928, Quảng Ninh đã trở thành trường rèn luyện đấu tranh và giác ngộ ý thức giai cấp của giai cấp công nhân Việt Nam. Các chi bộ Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân ngày càng lớn mạnh với tinh thần quyết tâm hoàn thành tốt những nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao phó. Trong quá trình đó, truyền thống văn hóa của công nhân vùng mỏ với kỷ luật, đồng tâm đã ra đời. Từ năm 1945-1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quảng Ninh đã có nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển ngành giáo dục phổ thông vì coi đó là nhiệm vụ quan trọng của kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ hòa bình, tỉnh cần phát huy truyền thống của công nhân mỏ, truyền thống hăng hái thi đua yêu nước vào công cuộc xóa mù chữ, phổ

cập giáo dục, đẩy mạnh nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng mạnh mẽ.

Về xã hội, đầu tiên phải thấy rằng dân số Quảng Ninh cao hơn nhiều tỉnh miền núi Đông Bắc nhưng ít hơn nhiều tỉnh đồng bằng sông Hồng. Hàng năm dân số Quảng Ninh vẫn tăng lên trên cơ sở tỉ lệ sinh tăng và dân nhập cư từ các vùng khác. Dân số Quảng Ninh có đặc điểm là tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi khá cao, dẫn tới tỉ lệ học sinh phổ thông của tỉnh khá đông và áp lực phải mở thêm nhiều trường phổ thông trên địa bàn. Nhìn bảng 2 có thể thấy, từ năm 2000 đến 2015, tỉnh đã tăng thêm 83 trường phổ thông ở cả 3 cấp, tương ứng với đó là số học sinh luôn chiếm khoảng 20% so với tổng số dân trong tỉnh.

Về phân bố dân cư có thể thấy, trước năm 2010, dân số tỉnh tập trung nhiều hơn ở các vùng nông thôn (xem bảng 2), nhưng từ 2010 đến nay, quá trình đô thị hóa đã diễn ra nhanh chóng khiến số dân cư ở thành thị tăng mạnh. Dân cư tỉnh Quảng Ninh tập trung đông đúc ở các thành phố, thị xã như Hạ Long, Cẩm Phả, Đông Triều... (chiếm khoảng 75% dân số toàn tỉnh) nên nơi đây cũng yêu cầu phải có nhiều trường phổ thông hơn các địa bàn khác. Một số huyện như Bình Liêu, Ba Chẽ dân cư ít hơn, mật độ dân số thấp nên cần xây dựng trường tại trung tâm các thôn bản và tại các địa điểm giao thông thuận lợi. Các huyện đảo Vân Đồn, Cô Tô có hơn 2.000 hòn đảo nhưng số đảo có người rất ít, số dân cư trên từng đảo cũng có sự chênh lệch (như đảo Quan Lạn, Vân Đồn có khoảng 7.000 người trong khi đảo Trần, Cô Tô chỉ có hơn chục hộ dân) nên cần có quy hoạch hợp lý về xây dựng trường trên các đảo trung tâm, đồng thời phải nâng cấp hệ thống giao thông để học sinh thuận tiện đến trường.

Về thành phần dân tộc, Quảng Ninh là tỉnh có khoảng 22 dân tộc thiểu số sinh sống, trong đó

⁴ Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Ninh, *Địa chí Quảng Ninh*, tập 3, Quảng Ninh, 2003, tr.383.

chỉ có 6 dân tộc có hàng nghìn người trở lên sinh sống thành cộng đồng với ngôn ngữ và bản sắc văn hóa riêng biệt như Việt (Kinh), Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa. Trong đó cộng đồng người Kinh là đông nhất, 21 dân tộc còn lại chỉ chiếm trên 12% dân số [4]. Phần lớn người dân tộc thiểu số sinh sống tại các khu vực xa xôi hẻo lánh, đông nhất là tại huyện Bình Liêu và Ba Chẽ với điều kiện kinh tế, thu nhập thấp hơn so với mức chung của tỉnh. Do đó, để trẻ em dân tộc thiểu số được đến trường, tỉnh Quảng Ninh cần có hệ thống trường phổ thông cho trẻ em thiểu số và nhiều chính sách hỗ trợ riêng phù hợp. Cho đến nay, Quảng Ninh có 6 trường phổ thông dân tộc nội trú, 14 trường phổ thông dân tộc bán trú cùng với nhiều lớp học bán trú khác [4], về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu học tập của trẻ em dân tộc thiểu số trong tỉnh. Tuy nhiên, về mặt bằng chung, chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số vẫn có sự chênh lệch so với các vùng khác, cha mẹ các em nhận thức còn hạn chế và chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, còn tư tưởng ỷ lại vào chính sách của Nhà nước. Bên cạnh đó, ngành giáo dục cần tiếp tục đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cho khu vực này, nhất là bồi dưỡng tiếng dân tộc.

Trong các vấn đề xã hội, vấn đề cấp bách nhất là xóa đói giảm nghèo. Có thể thấy, tỉ lệ hộ nghèo của tỉnh Quảng Ninh có giảm đi qua các năm, đó là nhờ sự chăm lo của các cấp ủy, chính quyền và nhiều tổ chức xã hội và nhiều cá nhân trong tỉnh. Bên cạnh việc xóa đói giảm nghèo, các cấp, các ngành cũng có rất nhiều chính sách, giải pháp giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường. Từ năm 2010 đến nay, Quảng Ninh được coi là tỉnh có nhiều chính sách hỗ trợ riêng cho học sinh các cấp nhất cả nước. Bên cạnh đó, Quảng Ninh còn có nhiều chính sách hỗ trợ hiệu quả cho phát triển giáo dục thông qua Chương trình hành động vì trẻ em,

Chương trình thanh niên, hoạt động bình đẳng giới... Những biện pháp đó đã giúp giáo dục phổ thông của tỉnh ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, giảm số học sinh thất học, bỏ học tại các bậc học. Tỉ lệ bỏ học thấp nhất ở bậc tiểu học chỉ có 0,2%, cao nhất ở bậc học trung học phổ thông là 0,96%⁵ năm học 2016-2017.

4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Có thể thấy rằng, Quảng Ninh có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển giáo dục và giáo dục phổ thông như các điều kiện về kinh tế, tài chính, hạ tầng. Nhưng đồng thời tỉnh cũng có những hạn chế nhất định ảnh hưởng không nhỏ đến giáo dục phổ thông về điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội. Nhưng với sự quyết tâm, các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân Quảng Ninh đã phát huy được những lợi thế, khắc phục khó khăn để phát triển giáo dục phổ thông của tỉnh đạt được nhiều thành tựu đáng quý.

Nhờ giáo dục phổ thông và phổ cập giáo dục được đầu tư phát triển, từ năm 2000, số người từ 15 tuổi trở lên biết chữ của tỉnh đã đạt 93,29%, tỉ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt trên 90% [5]. Đến 2017, tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ của tỉnh là 97,1% [6]. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cũng tăng lên, năm học 2016-2017 đã đạt 98,01% [6]. Nhờ tỉ lệ người biết chữ nhiều hơn, học sinh tốt nghiệp THPT nhiều hơn, nên số lao động qua đào tạo của tỉnh theo đó cũng tăng lên. Sơ bộ năm 2018, tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo của tỉnh đạt 35,1% [6]. Rõ ràng số lao động biết chữ, đã qua đào tạo là nguồn lực quan trọng để Quảng Ninh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong hiện tại và tương lai.

Trong những năm tới đây, để phát triển giáo dục nói chung và giáo dục phổ thông nói riêng,

⁵ Số liệu lưu trữ Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh.

tỉnh Quảng Ninh cần chú ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, cần tuyên truyền, giáo dục đến mọi người dân trong tỉnh về vị trí, vai trò của giáo dục phổ thông trong mối tương quan với các lĩnh vực khác. Việc tuyên truyền cần thực hiện thông qua các hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp như Đoàn, Hội, Công đoàn công nhân mỏ... Cũng có thể sử dụng tiêu chí phát triển giáo dục, giáo dục phổ thông của địa phương để đánh giá Đảng bộ, lãnh đạo sở tại hàng năm hoặc qua từng nhiệm kỳ. Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh năm 1997 đã chỉ đạo coi việc quan tâm phát triển giáo dục đào tạo là tiêu chí để xét đảng bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2011 tỉnh chỉ đạo cần đánh giá Bí thư cấp ủy địa phương qua chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm. Trong giai đoạn hiện nay, Quảng Ninh cần tiếp tục phát huy những chỉ đạo này một cách thực chất.

Thứ hai, cần tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, thực hiện đúng quan điểm của Đảng: đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Tuy hàng năm tỉnh đều tăng ngân sách cho giáo dục, tỉ lệ chi cho giáo dục đào tạo của tỉnh trên mức chi thường xuyên khá cao. Nhưng so với tỉ lệ chung của nhiều tỉnh đồng bằng sông Hồng khác, tỉ lệ chi và mức chi cho giáo dục của Quảng Ninh cũng không nổi bật. Trong khi lợi thế về kinh tế hoàn toàn có thể giúp tỉnh tăng mức đầu tư nhiều hơn cả từ ngân sách và từ xã hội hóa. Bên cạnh đó, tỉnh cần chú ý chi hợp lý, chi có hiệu quả mức vốn đầu tư này. Là một tỉnh có năng lực giải quyết thủ tục hành chính nhanh vào bậc nhất cả nước, Quảng Ninh hoàn toàn có thể quản lý, giám sát việc thu chi cho giáo dục một cách công khai, minh bạch. Tiến hành đánh giá, tổng kết trực tiếp, trực tuyến qua từng tháng, từng quý, từng năm, chấn chỉnh kịp thời các biểu hiện thu chi bất hợp lý và rút ra bài học kinh nghiệm.

Thứ ba, Quảng Ninh có truyền thống đấu tranh anh dũng, có tinh thần vượt khó và quyết tâm

trong thi đua thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và đất nước giao phó. Lịch sử đấu tranh với những chiến thắng oanh liệt cùng thành tích xây dựng kinh tế của tỉnh là minh chứng rõ rệt cho truyền thống văn hóa nói trên. Do đó, truyền thống này hoàn toàn có thể phát huy và mang lại hiệu quả cao trong phát triển giáo dục phổ thông. Cần làm cho phát triển giáo dục phổ thông trở thành mục tiêu chung của các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân trong tỉnh. Ví dụ, có thể thông qua lồng ghép các mục tiêu giáo dục vào các phong trào thi đua của tỉnh, phong trào thi đua của ngành một cách khéo léo.

Thứ tư, Quảng Ninh cần tiến hành hoạt động điều tra dân số, dự báo dân số thường xuyên, liên tục. Bên cạnh đó cần điều chỉnh chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình để tiến tới ổn định dân số trong tỉnh. Từ đó sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp phổ thông trên từng địa bàn, đáp ứng đúng, đủ nhu cầu học tập của nhân dân.

Thứ năm, xuất phát từ điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, Quảng Ninh có sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng miền. Nhưng trong yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, càng là vùng kinh tế kém phát triển thì càng cần nguồn nhân lực chất lượng tốt, có đầu óc và tay nghề cao. Để đảm bảo nguồn lao động cho các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, tỉnh cần quan tâm đầu tư nhiều hơn cho giáo dục phổ thông trên địa bàn. Do đó, tỉnh cần quy hoạch lại các chính sách riêng (đặc thù) về hỗ trợ phát triển giáo dục phổ thông cho từng địa bàn⁶, từng đối tượng cụ thể, quản lý chặt chẽ việc áp dụng các chính sách này, qui định rõ cho từng loại đối tượng để có mức hỗ trợ đúng, phù hợp. Trong đó quan trọng là cần tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh đào tạo

⁶ Từ 2010-2017, Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành 14 chính sách riêng về hỗ trợ giáo dục. Quảng Ninh là tỉnh có nhiều chính sách riêng (đặc thù) về hỗ trợ phát triển giáo dục nhất cả nước.

đội ngũ giáo viên đồng thời có chính sách ưu đãi hợp lý cho giáo viên, học sinh tại các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo.

Thứ sáu, mặc dù tỉ lệ số người biết chữ của Quảng Ninh đã tăng lên, nhưng so với nhiều tỉnh đồng bằng sông Hồng thì tỉ lệ này vẫn chưa cao. Trong số những người không biết chữ thì phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số sống tại các khu vực xa xôi hẻo lánh, biên giới. Và khi cha mẹ không biết chữ sẽ không quan tâm, đầu tư nhiều cho việc học của con. Do đó, cần có chính sách có hiệu lực mạnh mẽ hơn để phổ cập xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Có thể kết hợp quản lý thông qua xây dựng nông thôn mới, đầu tư xây dựng khu vực miền núi (Chương trình 135) đến từng vùng, từng địa bàn. Thúc đẩy và tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số có ý thức tự vươn lên trong học tập, nắm lấy mọi

cơ hội học tập cho chính mình và con em mình.

Có thể thấy, giáo dục phổ thông Quảng Ninh phát triển mạnh sẽ giúp người dân nâng cao tri thức, hiểu biết rõ hơn cách phát huy tiềm năng, thể mạnh của tỉnh, hướng tới phát triển nhanh, bền vững. Tiềm năng lợi thế của tỉnh được phát huy mạnh mẽ sẽ dẫn đến sự tăng trưởng nhanh về kinh tế, tiến bộ về văn hóa và xã hội. Kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển sẽ tạo điều kiện trực tiếp hay gián tiếp thúc đẩy giáo dục phổ thông được đầu tư nhiều hơn, tăng cường cơ sở vật chất, hoàn thiện về quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục. Do đó, trong những năm tới, Quảng Ninh cần có những chính sách phù hợp để phát huy các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội vào phát triển giáo dục và tăng cường những kết quả của giáo dục vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Lưu hành nội bộ, Quảng Ninh, tr.29.
- [2] Tỉnh ủy Quảng Ninh, Báo cáo số 290-BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Quảng Ninh, 2018, tr.45, 44.
- [3] Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh, Niên giám thống kê năm 2016, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2017, tr.368.
- [4] UBND tỉnh Quảng Ninh, Báo cáo số 184-BC/UBND Tình hình về giáo dục trẻ em dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2018, Quảng Ninh, 2018, tr.2, 3.
- [5] Tỉnh ủy Quảng Ninh, Chỉ số phát triển con người tỉnh Quảng Ninh, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2004, tr.43.
- [6] Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê năm 2018, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2019, tr.131, 771, 160.

Thông tin liên hệ: **Nguyễn Thị Thu Hà**

Điện thoại: 0983338695 - Email: nguyenthuha83@uneti.edu.vn

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

